TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 05/7/2017.
V/v: *"Yêu cầu không công nhận là vợ chồng".*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH LÂM ĐỒNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Phượng Diễm**

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà **Nguyễn Thị Ngọc**

- Ông **Nguyễn Huy Khoa**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lường Thị Phương** – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng: Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 05/7/2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 165/2017/TLST-HNGĐ ngày 28/4/2017 về tranh chấp: *"Yêu cầu không công nhận là vợ chồng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/6/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị H**, sinh năm 1968; Trú tại: Đường H, tổ dân phố 58, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bị đơn: Ông **Lương Xuân H**, sinh năm 1966; Trú tại: Thôn 3, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước.

Tại phiên tòa, bà H có mặt, ông H vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị H:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1988 không có đăng ký kết hôn. Ông, bà về chung sống với nhau là hoàn toàn tự nguyện, không có tổ chức lễ cưới hỏi, có thời gian tìm hiểu trước khi về chung sống với nhau khoảng 05 tháng. Quá trình vợ chồng chung sống với nhau thời gian đầu có hạnh phúc, đến khoảng tháng 5 năm 2008 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bà và ông H bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống. Bà và ông H đã sống ly thân từ cuối năm 2008 đến nay. Bà xác định

tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Vì vậy, bà yêu cầu Tòa án không công nhận bà và ông H là vợ chồng.

Về con chung: Bà và ông H có 02 con chung tên là Lương Sơn H, sinh năm 1989 và Lương Xuân H, sinh năm 1997. Hiện nay các con chung đều đã thành niên, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà và ông H không có tài sản chung, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà và ông H không có nợ chung, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của bị đơn ông Lương Xuân H:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1988 không có đăng ký kết hôn. Ông, bà về chung sống với nhau là hoàn toàn tự nguyện, không có tổ chức lễ cưới hỏi, có thời gian tìm hiểu trước khi về chung sống với nhau khoảng 05 tháng. Quá trình vợ chồng chung sống với nhau thời gian đầu có hạnh phúc, đến khoảng tháng 5 năm 2008 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là ông và bà H bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống. Ông và bà H đã sống ly thân từ cuối năm 2008 đến nay. Ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Vì vậy, bà H yêu cầu Tòa án không công nhận bà H và ông là vợ chồng, ông đồng ý. Ông yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng giải quyết vụ án giữa bà H và ông.

Về con chung: Ông và bà H có 02 con chung tên là Lương Sơn H, sinh năm 1989 và Lương Xuân H, sinh năm 1997. Hiện nay các con chung đều đã thành niên, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông và bà H không có tài sản chung, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông và bà H không có nợ chung, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn bà Phạm Thị H cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ gồm có: 01 bản sổ hộ khẩu gia đình (bản sao), 02 bản giấy khai sinh con chung tên Lương Xuân Hảo, Lương Sơn Hà (bản sao), 01 bản giấy chứng minh nhân dân – bà H (bản photo Thẩm phán đã đối chiếu với bản chính), 01 bản tự khai của bà H; Bị đơn ông Lương Xuân H nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ: 01 bản Giấy chứng minh nhân dân – ông H (bản photo Thẩm phán đã đối chiếu với bản chính), 01 bản bản tự khai của ông H, 01 bản đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải của ông H (bản chính), 01 bản đơn xin giải quyết vắng mặt của ông H (bản chính); Các tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được gồm có: Không có.

Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông H vắng mặt, vì vậy Tòa án đã tiến hành phiên họp vắng mặt ông H và đã thông báo kết quả phiên họp cho ông H được biết. Do ông H có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải và vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình về việc *"Yêu cầu không công nhận là vợ chồng"* giữa nguyên đơn bà Phạm Thị H với bị đơn ông Lương Xuân H; ông H có ý kiến bằng văn bản yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đ giải quyết vụ án nên căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

[2] Về nội dung: Bà Phạm Thị H và ông Lương Xuân H chung sống với nhau từ năm 1988, không có đăng ký kết hôn, không tổ chức lễ cưới hỏi. Thời gian đầu bà H và ông H chung sống có hạnh phúc, đến khoảng tháng 5/2008 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến sự mâu thuẫn giữa hai vợ chồng, theo bà H và ông H là do ông bà bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Ông, bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân, bà H yêu cầu không công nhận bà với ông H là vợ chồng ông H đồng ý. Xét thấy, bà H và ông H chung sống với nhau từ năm 1988 nhưng không có đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa bà H với ông H không được pháp luật công nhận, ông bà đã không chung sống với nhau từ cuối năm 2008 đến nay, không còn sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau nữa. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận bà Phạm Thị H và ông Lương Xuân H là vợ chồng.

Về con chung: Bà H và ông H có 02 con chung tên là Lương Sơn H, sinh năm 1989 và Lương Xuân H, sinh năm 1997. Hiện nay các con chung của bà H và ông H đều đã thành niên, ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung: Bà H và ông H không có tài sản chung, ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Bà H và ông H không có nợ chung, ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về án phí: Buộc bà Phạm Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị H, không công nhận bà Phạm Thị H và ông Lương Xuân H là vợ chồng.

Về án phí: Bà Phạm Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về việc khởi kiện yêu cầu không công nhận là vợ chồng, bà H đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số AA/2015/0006473 ngày 28/4/2017 được chuyển thu.

Bà H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông H vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS huyện Đ;
- THADS huyện Đ;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- Lưu AV, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Phượng Diễm